

# Các thì trong tiếng Anh

## Gồm 12 Thì

### page 3

#### Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn – Present perfect continuous tense

Định nghĩa: Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn (tiếng Anh: Present Perfect Continuous) dùng để chỉ về một hành động hay sự việc bắt đầu trong quá khứ và vẫn tiếp diễn ở hiện tại, có khả năng lan tới tương lai do đó không có kết quả rõ rệt. Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn nhấn mạnh khoảng thời gian của một hành động đã xảy ra trong quá khứ và tiếp tục tới hiện tại (có thể tới tương lai).

Công thức:

Câu khẳng định: S + has/have been + V\_ingEx: I have been learning English for 3 years.

Câu phủ định: S + has/have not been + V-ingEx: Mike hasn't been smoking for 5 months.

Câu nghi vấn: Have/Has + S + been + V-ing?Ex: Have you been standing in the rain for more than two hours?

Lưu ý:

S = I, we, you,they (số nhiều) + have

S = He, she, it, (số ít) +has

Cách dùng:

Diễn tả hành động xảy ra diễn ra liên tục trong quá khứ, tiếp tục kéo dài đến hiện tại.

Diễn tả hành động vừa kết thúc, mục đích nêu kết quả của hành động.

Dấu hiệu nhận biết: Trong câu thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn thường có các từ sau: All day/week, since, for, for a long time, recently, lately, up until now,...

#### Thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn – Past perfect continuous tense

Định nghĩa: Thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn (tiếng Anh: Past perfect continuous) là thì trong ngữ pháp tiếng Anh được dùng để diễn đạt quá trình xảy ra một hành động bắt đầu trước một hành động khác xảy ra trong quá khứ. Thì này thường chỉ dùng khi nào cần diễn đạt tính chính xác của hành động.

Công thức:

Câu khẳng định: S + had been + V\_ing + OEx: Jenny had been working for three hours when the boss telephoned.

Câu phủ định: S + had + not + been + V\_ing + OEx: I hadn't been talking to Mike when I saw him.

Câu nghi vấn: Had + S + been + V\_ing + O?Ex: Had he been playing soccer for two hours before he went to eat dinner?.

Cách dùng:

Diễn tả một hành động xảy ra liên tục trước một hành động khác trong quá khứ.

Diễn tả một hành động xảy ra kéo dài liên tục trước một thời điểm được xác định trong quá khứ.

Lưu ý: hành động xảy ra trước chia ở thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn. Hành động xảy ra sau chia ở thì quá khứ đơn.

Dấu hiệu nhận biết: Trong câu thường chứa các từ như Until then, by the time, prior to that time, before, after...

#### Thì tương lai hoàn thành tiếp diễn – Future perfect continuous tense

Định nghĩa: Thì tương lai hoàn thành tiếp diễn (tiếng Anh: Future perfect continuous tense) dùng để diễn tả một hành động đã đang xảy ra cho tới một thời điểm được nói trong tương lai.

Công thức:

Câu khẳng định: S + shall/will + have been + V-ing + OEx: By this August I have been studying for 2 years at this school.

Câu phủ định: S + shall/will not+ have + been + V-ingEx: The workers won't have been finishing this bridge for 4 years by the end of next month.

Câu ghi vấn: Shall/Will + S+ have been + V-ing + O?Ex: Will you have been living in this house for 10 years by this week? (

Cách dùng:

Diễn tả một hành động xảy ra trong quá khứ tiếp diễn liên tục đến một thời điểm cho trước trong tương lai

Dấu hiệu nhận biết: Có chứa For + khoảng thời gian + by/before + mốc thời gian trong tương lai: by then, by the time,...

Không nên học